

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TPHCM
132 Đào Duy Từ, P.6, Q.10



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TPHCM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301986393
- Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 91.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 132 Đào Duy Từ P6, Q10, TPHCM
- Số điện thoại : 08 38533496
- Số fax : 08 38533496
- Website: www.caupha.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): HFB

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển :
 - + Ngày thành lập : 02/6/2000.

Tiền thân Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh là Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/05/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV vào ngày 01/10/2010. Trước đó Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố được thành lập theo Quyết định số 7656/QĐ-UB-KT ngày 15/12/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở tách chức năng quản lý, duy tu cầu và chức năng quản lý vận hành phà từ Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn (được thành lập theo Quyết định số 6590/QĐ-UB-KT ngày 19/11/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố) - nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố là công ty công ích trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ quản lý và duy tu hệ thống cầu – phà trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý và thực hiện một số hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong hoạt động xây dựng công trình giao thông và chính thức hoạt động từ ngày 02/06/2000.

- + Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:
 - 02/06/2000 : Công Ty Quản Lý Công Trình Cầu Phà Thành Phố
 - 01/10/2010 : Công Ty TNHH MTV Công Trình Cầu phà TPHCM
 - 04/05/2016 : Công Ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà TPHCM

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu : Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu, phà của thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà, duy tu bờ kè, thi công lắp đặt công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bạc Liêu, Đồng Tháp...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và các bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát
4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc
5. Các phòng nghiệp vụ:
 - Phòng Kế hoạch – Đầu tư
 - Phòng Kinh doanh
 - Phòng Kế toán tài chính
 - Phòng Quản trị hành chính
 - Phòng Quản lý chất lượng
 - Phòng Quản trị nhân sự

6. Các xí nghiệp trực thuộc : 9 xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, báo sổ trực thuộc công ty

- Các công ty con, công ty liên kết: 02 công ty con.

1. Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng - Công trình Cầu phà:

+ Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng); Trong đó công ty Cổ phần Công trình Cầu phà TP HCM góp 65% vốn.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 03114571452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14/8/2017.

2. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Công trình Giao thông 6:

+ Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng); Trong đó công ty Cổ phần Công trình Cầu phà thành phố TP HCM góp 65% vốn.

+ Nghị quyết HĐQT số 66/NQ-CTCP-HĐQT ngày 13/12/2017.

4. Định hướng phát triển:

Sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh đặt ra các mục tiêu cơ bản như sau cho chiến lược phát triển của Công ty:

– Tiến hành thủ tục đăng ký bảo hộ logo (nhãn hiệu) của Công ty để có cơ sở pháp lý cho việc Xây dựng và phát triển Cầu Phà thành một thương hiệu mạnh bằng uy tín, chất lượng và giá thành sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

– Tập trung phát triển và mở rộng một số ngành nghề kinh doanh chính có nhiều tiềm năng và lợi thế bao gồm:

- Tiếp tục giữ vững thị trường cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích quản lý và duy tu bảo dưỡng cầu. Đồng thời phát triển sang các lĩnh vực, thị trường công ích khác như cây xanh, đường quốc lộ, đường cao tốc...

- Phát triển quy mô, mở rộng thị trường, tạo thế mạnh cạnh tranh hoạt động sản xuất kinh doanh chính (xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật). Từng bước điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, dịch vụ. Đầu tư phát triển sản phẩm chính, tạo sản phẩm mũi nhọn đi đầu về công nghệ. Trong đó, đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động xây dựng và sửa chữa công trình giao thông. Tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Nâng cao tỷ trọng sản phẩm kinh doanh ngoài công ích từ 60% tổng doanh thu trở lên. Trong đó, sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Nâng cao năng lực kỹ thuật, năng lực cạnh tranh để có thể tham gia các gói thầu có quy mô và giá trị trên 100 tỷ đồng. Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết và các đối tác có uy tín để phát triển sản xuất. Nghiên cứu thực hiện các dự án BT, BOT...

– Tiếp tục phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, tiếp tục đầu tư khai thác dạp cầu, sản xuất cầu kiện cơ khí giao thông, cầu kiện bê tông đúc sẵn, sản xuất bê tông nhựa nóng.

– Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các chủ đầu tư dự án, cơ quan ban ngành. Tăng cường hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm để cùng phát triển.

– Chú trọng xây dựng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ

thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.

– Hướng tới sự thu hút và tập trung các nguồn vốn xã hội: phát hành thêm cổ phiếu, mở rộng bán cổ phần cho các chủ sở hữu trong và ngoài doanh nghiệp, đồng thời cho phép khai thác được nguồn vốn nội bộ một cách hiệu quả.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Các sản phẩm kinh doanh (công ích, xây dựng công trình .v.v) của công ty phần lớn là các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước, do đó, chủ trương và nguồn tài chính công ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu – lợi nhuận của doanh nghiệp.

5.2 Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó nhiều chính sách mang tính đặc thù như các quy định về sản phẩm dịch vụ công ích, quy định chuyên ngành xây dựng, giao thông. Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

5.3 Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất

Hoạt động xây dựng, thi công công trình là một trong những hoạt động có rủi ro về tai nạn lao động. Sự cố có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy trình, quy định về an toàn lao động – bảo hộ lao động không được thực hiện nghiêm túc hoặc do có sự bất cẩn của con người. Trong điều kiện đặc thù của các công trình giao thông (vừa thi công vừa đảm bảo giao thông) thì khả năng xảy ra sự cố càng lớn. Do đó, việc phân tích, quản lý rủi ro này bằng nhiều biện pháp trong đó có bảo hiểm cho hoạt động xây dựng và trách nhiệm đối với người thứ ba là điều bắt buộc.

b. Rủi ro từ các đối tác kinh doanh

Trong hoạt động kinh doanh sự ràng buộc giữa các chủ thể dân sự thông qua hợp đồng kinh tế. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp đối tác kinh doanh/khách hàng không thực hiện đúng trách nhiệm đã cam kết vì nhiều lý do. Đây là rủi ro tiềm ẩn cần có sự quản lý như: tìm hiểu kỹ về thông tin khách hàng trước khi ký kết hợp đồng, nghiên cứu kỹ các điều khoản hợp đồng có sự trợ giúp của tư vấn pháp luật, trích lập dự phòng tài chính để kiểm soát các rủi ro này.

c. Rủi ro về sự biến động giá, lạm phát

Các hợp đồng thi công các gói thầu xây dựng công trình giao thông/hạ tầng kỹ thuật thường có thời gian dài. Các biến động về giá nguyên vật liệu, xăng dầu, năng lượng đều có sự tác động lớn về giá thành/lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó việc lập kế hoạch chi tiết để thi công các gói thầu lớn có tính đến các rủi ro tiềm ẩn là một việc bắt buộc.

5.4 Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm :

(Số liệu căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017)

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	Năm 2017		
			Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
I	Doanh thu	284.264.307.521	358.000.000.000	392.289.749.727	110%
1	SPDV công ích	111.895.355.570	100.000.000.000	122.330.089.819	122%
2	Thi công công trình	165.264.113.580	250.500.000.000	265.905.070.589	106%
3	Giữ xe đạp cầu	4.091.781.812	1.854.545.455	1.854.545.460	100%
4	Cho thuê xe máy thiết bị	1.047.654.545	4.500.000.000	1.438.690.911	32%
5	Doanh thu khác	1.965.402.014	1.145.454.545	761.352.948	66%
II	Tổng chi phí	272.776.835.244	343.992.834.928	378.090.456.151	110%
III	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	11.487.472.277	14.007.165.072	14.199.293.576	101%
2	Lợi nhuận sau thuế	9.187.681.610	11.206.000.000	11.355.055.823	101%

3	Lợi nhuận chia cổ tức	7.735.000.000	7.735.000.000	7.735.000.000	100%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	8,5%	8,5%	8,5%	100%

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Doanh thu: Đạt 110% kế hoạch
- Lợi nhuận: Đạt 101% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Hội đồng Quản trị :

- Ông Trần Minh Thành : Chủ tịch (15,43% vốn điều lệ)
Cá nhân sở hữu : 0,43% vốn điều lệ
Được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ
- Ông Lê Hữu Châu : (19,31% vốn điều lệ)
Cá nhân sở hữu : 4,31% vốn điều lệ
Được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ
- Bà Tạ Thị Hồng Tâm : Thành viên (7,69% vốn điều lệ)
- Ông Trịnh Văn Khâm : Thành viên (4,87% vốn điều lệ)
- Ông Vũ Bảo Vân : Thành viên (10% vốn điều lệ)
Được HFIC ủy quyền : 10% vốn điều lệ

+ Ban Tổng Giám đốc :

- Ông Lê Hữu Châu : Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Tiến Đạt : Phó Tổng Giám đốc (1,02% vốn điều lệ)
- Ông Phạm Ngọc Thành : Phó Tổng Giám đốc (1,06% vốn điều lệ)
- Ông Trần Minh Trung : Phó Tổng Giám đốc (0,81% vốn điều lệ)

+ Ban Kiểm soát :

- Ông Lê Mạnh Thư : Trưởng ban (0,36% vốn điều lệ)
- Ông Nguyễn Quang Huy : Thành viên (0,6% vốn điều lệ)
- Ông Trần Thái Phương : Thành viên

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng lao động đến 31/12/2017 : 278 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

Chỉ tiêu	2016	2017
Tổng giá trị tài sản		12.684.650.144
Doanh thu thuần		5.279.570.776
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		5.181.905
Lợi nhuận trước thuế		5.181.905
Lợi nhuận sau thuế		4.145.524

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2016	2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	323.822.175.629	327.064.082.555	101%
Doanh thu thuần	282.298.905.507	391.528.396.779	139%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.237.362.791	14.149.799.607	116%
Lợi nhuận khác	(749.890.514)	49.493.969	660%
Lợi nhuận trước thuế	11.487.472.277	14.199.293.576	124%
Lợi nhuận sau thuế	9.187.681.610	11.355.055.823	124%

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2016	2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,17	1,18	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,12	0,93	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,69
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,27	2,24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,87	1,20
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,11
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,03
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	0,04

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng cổ phần :	9.100.000
Loại cổ phần đang lưu hành :	9.100.000
Cổ phần chuyển nhượng tự do :	9.038.400
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng :	61.600

b) Cơ cấu cổ đông :

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

- + Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần : 3
- + Cổ đông nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần : 296

Cơ cấu cổ đông theo tổ chức và cá nhân:

- + Cổ đông tổ chức : 1
- + Cổ đông cá nhân : 298

Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

- + Cổ đông trong nước : 299
- + Cổ đông nước ngoài : 0

Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

- + Cổ đông nhà nước : 1
- + Cổ đông khác : 298

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 189.612.388.735 đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Điện năng tiêu thụ 2017: 134.575kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :

Nguồn cung cấp nước : Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân, lượng nước sử dụng 2017 : 4.823m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động : 31/12/2017 là 278 người

Mức lương trung bình đối với người lao động : 10.578.227/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty chấp hành nghiêm túc pháp luật lao động và đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định, tổng số tiền trích nộp bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho người lao động.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2017 theo thỏa ước lao động tập thể tại Trung tâm chẩn đoán y khoa

Medic. Tổ chức cho người lao động tham quan nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể với mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/người. phụ cấp bồi dưỡng độc hại được công ty thanh toán cho người lao động đúng quy định.

- Thực hiện giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thăm hỏi, hiếu hỷ trợ cấp khó khăn. Chăm lo cho các cháu thiếu nhi là con của người lao động, tặng quà, trao học bổng cho các cháu nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo.

- Thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo an toàn cho người lao động được quy định tại Điều 25 Thỏa ước lao động tập thể, cụ thể đầu tư thêm một số máy móc, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phổ biến các văn bản của nhà nước về pháp luật bảo hộ lao động, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng thao tác đối với máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Xây dựng và ban hành Quy định về an toàn vệ sinh lao động. Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn viên, trong quy định, quy chế đã phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của từng đối tượng tham gia công tác an toàn vệ sinh lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động :

- Công tác tuyển dụng, sàng lọc, luân chuyển, điều động nội bộ để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực được Tổng Giám đốc công ty chú trọng trên cơ sở đề xuất của Trưởng đơn vị và trình độ tay nghề của người lao động.

- Công tác đào tạo: công ty đã tổ chức cho người lao động tham gia các lớp tập huấn, các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh phí đào tạo được công ty hỗ trợ 100%, cụ thể:

+ 100% người lao động được tập huấn công tác an toàn vệ sinh lao động.

+ Tham gia hội nghị “nâng cao chất lượng báo cáo tài chính kiểm toán trong hồ sơ đăng ký niêm yết”

+ Tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Đánh giá chung

❖ Năm 2017, Ban điều hành đã có những đổi mới trong việc tổ chức quản lý, điều hành doanh nghiệp và hoạt động sản xuất:

- Tổ chức lại các xí nghiệp: 02 xí nghiệp thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích và 07 xí nghiệp hoạt động kinh doanh. Thi điểm hình thức khoán doanh thu, chi phí, lợi nhuận cho đơn vị kinh doanh.

- Tổ chức lại việc quản lý, vận hành xe máy thiết bị và khai thác dạp cầu.

- Thi điểm góp vốn thành lập công ty con.

b. Về tình hình kinh doanh các sản phẩm chủ yếu.

❖ Sản phẩm dịch vụ công ích.

- Xét về chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt
Doanh thu	100.000.000.000	122.330.089.819	122%
Chi phí	70.066.190.707	92.805.861.007	132%
Lợi nhuận	29.933.809.293	29.524.228.812	99%

- Tình hình thực hiện: sản phẩm dịch vụ công ích năm 2017 được tổ chức thực hiện tốt với 02 xí nghiệp thực hiện. Việc tổ chức quản lý tập trung có nhiều ưu điểm: Hoàn thành tốt các điều khoản hợp đồng của công ty và cơ quan đặt hàng, khả năng huy động và quản lý lực lượng lao động tốt hơn. Chi phí hoạt động công ích tăng do năm 2017, chi phí quản lý giảm và chi phí bảo dưỡng tăng. Do đó tỷ suất lợi nhuận/doanh thu giảm. Tỷ lệ này tiếp tục giảm trong năm 2018 do chuyển sang hình thức lựa chọn nhà thầu (Đầu thầu). Đây vẫn là hoạt động nền tảng, đảm bảo nguồn thu để trang trải hầu hết chi phí quản lý công ty.

- Sản phẩm dịch vụ công ích hiện nay vẫn là sản phẩm nền tảng cho hoạt động sản xuất. Năm 2017, Công ty đã tham gia đấu thầu và trúng thầu tất cả 06 gói sản phẩm dịch vụ công ích quản lý, bảo trì hệ thống cầu và đường vào cầu trên địa bàn thành phố, 01 gói duy tu đường thủy nội địa và 02 gói thầu duy tu bảo dưỡng cầu – đường do UBND quận 12 làm chủ đầu tư. Về cơ bản, năm 2018, công ty đảm bảo được thị trường sản phẩm này. Tuy nhiên từ năm 2019 trở đi, những khó khăn thách thức càng lớn hơn.

- Những mặt còn tồn tại: Năng suất lao động thấp. Thiếu khoa học, sáng tạo trong tổ chức quản lý, điều hành. Ít áp dụng khoa học, công nghệ trong quá trình thực hiện. Giá thành sản phẩm, dịch vụ còn cao.

- Rủi ro/ thách thức: Việc xã hội hóa cũng tiềm ẩn các rủi ro nếu không cạnh tranh được với các tổ chức khác. Điều này sẽ dẫn đến mất thị phần, thu hẹp sản xuất gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và giải quyết các vấn đề lao động.

❖ Hoạt động tư vấn xây dựng công trình và kiểm định cầu.

- Hoạt động tư vấn, thi công xây dựng và kiểm định cầu được xác định là hoạt động kinh doanh chủ yếu, mũi nhọn của doanh nghiệp trong điều kiện hoạt động công ích đang bị thu hẹp.

- Xét về chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt
Doanh thu	250.500.000.000	265.905.070.589	106%
Chi phí	240.025.000.000	253.240.511.881	106%
Lợi nhuận	10.475.000.000	12.664.558.708	121%

- Tình hình thực hiện:

+ Tổng giá trị hợp đồng ký kết năm 2017 là 379 tỷ tăng 24% so với năm 2016 (305 tỷ); Doanh thu tăng 60% so với năm 2016 (165 tỷ). Quy trình thực hiện hợp lý, đảm bảo chất lượng tiến độ theo hợp đồng.

+ Việc thí điểm tổ chức thực hiện theo mô hình ban điều hành công trình

bước đầu hoạt động tốt.

- Với sự tích cực và năng động của Ban điều hành, giám đốc các xí nghiệp, công ty đã mở rộng thị trường hoạt động và có nhiều kết quả khả quan:

- Tham gia dự thầu và trúng thầu thực hiện các gói thầu thuộc nguồn vốn ngân sách các tỉnh lân cận như: Đồng Tháp, Bến Tre, An Giang, Long An .v.v

- Tham gia dự thầu và trúng thầu một số gói thầu có quy mô, giá trị lớn do UBND các quận huyện làm chủ đầu tư như: Huyện Nhà Bè (04 gói thầu tổng cộng 120 tỷ đồng), Quận 12 (02 gói thầu tổng cộng 8tỷ đồng), H. Bình Chánh (02 gói thầu tổng giá trị 60 tỷ đồng), Quận 8 (03 gói thầu tổng giá trị 40 tỷ đồng).

- Tham gia các gói thầu thi công công trình với các chủ đầu tư sử dụng vốn doanh nghiệp như: Cảng Bourbon (57 tỷ đồng); khu dân cư Long Xuyên-An Giang (54 tỷ đồng), Kè rạch Tư Dinh – Trường Đại học Tôn Đức Thắng (20 tỷ đồng), Cầu bộ hành bệnh viện Chợ Rẫy (5 tỷ đồng), Khu dân cư Tân Vũ Minh (7 tỷ đồng). v.v

- Tham gia các gói thầu hạ tầng kỹ thuật như Xây dựng Trạm ép rác kín quận 2 (10 tỷ đồng), ngầm hóa cáp điện và viễn thông trên địa bàn thành phố.

- Một số đối tác truyền thống như Khu quản lý Giao thông đô thị, Khu quản lý đường thủy nội địa, Trung tâm quản lý hầm sông Sài Gòn tiếp tục được duy trì và phát triển.

- Về uy tín: Từng bước được các chủ đầu tư ghi nhận. Hầu hết các gói thầu đều thi công đúng tiến độ, chất lượng được chủ đầu tư đánh giá cao. Hiện công ty đang tiếp tục tham gia dự thầu các gói thầu tiếp theo và có các kết quả thuận lợi.

- Những tồn tại:

+ Công ty từng bước nâng cao năng lực kỹ thuật để tham gia các gói thầu lớn. Tuy nhiên, việc nâng cao năng lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng sản xuất. Trong đó, năng lực công ty (cầu 50tỷ - 01 công trình, đường 25 tỷ - 01 công trình) và năng lực chỉ huy trưởng (số lượng , năng lực kinh nghiệm) còn thiếu.

+ Tính cạnh tranh trên thị trường hiện nay là rất cao. Để tham gia được một gói thầu lớn cần rất nhiều yếu tố (quan hệ, uy tín, chi phí, năng lực kỹ thuật.v.v). Việc đáp ứng được các yếu tố này của công ty còn nhiều hạn chế.

+ Khả năng (về quản lý, tài chính, quan hệ.v.v) của các giám đốc xí nghiệp chưa đồng đều nên khả năng hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị có sự chênh lệch. Kế cả chính sách của công ty khó áp dụng đồng bộ cho tất cả các đơn vị.

+ Các sản phẩm thi công của công ty chủ yếu là cầu, đường, bờ kè, ngầm hóa hệ thống điện- viễn thông. Đây là các sản phẩm có nhiều đối thủ cạnh tranh, thị trường bão hòa. Trong khi đó, có thể nói, công ty còn yếu hơn các đối thủ cạnh tranh về công nghệ, năng lực kỹ thuật và các yếu tố cạnh tranh về kinh tế khác. Đặc biệt là chưa tạo ra sản phẩm có thể mạnh riêng.

❖ *Dịch vụ kinh doanh bãi đậu xe dạ cầu được đầu tư từ vốn doanh nghiệp.*

- Về chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt
Doanh thu	1.854.545.455	1.854.545.455	100%
Chi phí	100.000.000	869.883.816	870%

Lợi nhuận	1.754.545.455	984.661.644	56%
-----------	---------------	-------------	-----

- Tình hình thực hiện: Đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch. Các dự án được quản lý tốt. Chi phí tăng do hạch toán lại chi phí khấu hao vào giá thành theo đúng nguồn.

❖ Dịch vụ cho thuê xe máy thiết bị.

- Về chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt
Doanh thu	4.500.000.000	3.384.654.650	75%
<i>Trong đó:</i>			
-Cho bên ngoài thuê	1.500.000.000	1.438.690.911	95%
-Nội bộ	3.000.000.000	1.945.963.739	65%
Chi phí	1.977.246.229	651.757.228	32%
Lợi nhuận	2.522.753.771	2.732.897.422	108%

- Tình hình thực hiện: Hoạt động quản lý vận hành xe máy thiết bị Tuy chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch nhưng có nhiều chuyển biến tốt. Tuy nhiên, nếu hạch toán cả các chi phí quản lý chung gồm tiền lương công nhân vận hành, chi phí thuê bãi, bảo vệ, lệ phí đăng kiểm và sửa chữa thiết bị (1.451.000.000 đồng) thì hoạt động quản lý vận hành xe máy thiết bị sẽ lỗ.

- Từ 01/01/2017 Hội đồng quản trị điều chuyển chức năng quản lý xe máy thiết bị (và dự án) từ phòng kinh doanh sang phòng Kế hoạch Đầu tư

- Điều chỉnh bổ sung, trình Hội đồng quản trị ban hành quy chế quản lý vận hành khai thác xe máy thiết bị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2016	2017	Mức tăng	Tỷ lệ %
A. Tài sản ngắn hạn	262.900.055.761	266.466.150.465	3.566.094.704	101,36
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.122.458.810	45.821.680.908	7.699.222.098	120,20
Các khoản phải thu ngắn hạn	210.043.169.518	153.792.620.383	(56.250.549.135)	(26,78)
Hàng tồn kho	11.105.583.937	57.169.871.439	46.064.287.502	514,78
Tài sản ngắn hạn khác	3.628.843.496	9.681.977.735	6.053.134.239	266,81
B. Tài sản dài hạn	60.922.119.868	60.597.932.090	(324.187.778)	(0,53)
Tài sản cố định	45.381.582.517	37.650.236.791	(7.731.345.726)	(17,04)
Tài sản dở dang dài hạn	522.251.093	522.251.093		
Tài sản dài hạn khác	15.018.286.258	22.425.444.206	7.407.157.948	149,32
Tổng cộng tài sản	323.822.175.629	327.064.082.555	3.241.906.926	101,00

- Tài sản ngắn hạn tăng 3.566.094.704 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 1,36% là do chủ yếu tăng khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

- Tài sản dài hạn khác giảm 324.187.778 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 0,53% chủ yếu là giảm tài sản cố định do trích khấu hao.

- Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản là 1,2 cứ 1đ tài sản tạo ra 1,2đ doanh thu tăng so với năm 2016. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 0,03 cứ 1đ tài sản mang về 0,03đ lợi nhuận bằng với năm 2016.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2016	2017	Mức tăng	Tỷ lệ %
C. Nợ phải trả	224.925.687.761	226.237.226.157	1.311.538.396	100,58
Nợ ngắn hạn	224.925.687.761	226.237.226.157	1.311.538.396	100,58
D. Vốn chủ sở hữu	98.896.487.868	100.826.856.398	1.930.368.530	101,95
Vốn chủ sở hữu	100.239.285.078	101.326.043.372	1.086.758.294	101,08
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	(1.342.797.210)	(499.186.974)	843.610.236	162,82
Tổng nguồn vốn	323.822.175.629	327.064.082.555	3.241.906.926	101,00

- Nợ phải trả tăng 1.311.538.396 đồng tương ứng với tỷ lệ 0,58%, vốn chủ sở hữu tăng 1.930.368.530 đồng tương ứng với tỷ lệ 1,95%.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 đảm bảo khả năng thanh toán là 1,18 tăng so với năm 2016, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn đảm bảo là 2,24 bằng với năm 2016

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

Công ty đã sắp xếp, tinh gọn bộ máy các phòng chuyên môn, các xí nghiệp trực thuộc để hoạt động hiệu quả hơn. Xây dựng các quy chế nội bộ của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục cải tiến mô hình quản lý, chuyên nghiệp hóa, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ công ty có thể mạnh: sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động doanh nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, nhân lực, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

- Sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động doanh nghiệp. Việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn nhà nước áp dụng xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Đồng thời góp phần vào việc phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngành giao thông nói chung. Việc đấu thầu rộng rãi sản phẩm dịch vụ công ích là tất yếu theo chủ trương xã hội hóa và quy định của pháp luật. Việc tạo thế mạnh cạnh tranh bằng kinh nghiệm, chất lượng, công nghệ và giá thành là nhiệm vụ quan trọng. Tinh giản, hợp lý hóa đội ngũ nhân lực thực hiện trên cơ sở bố trí ca, kíp cho phù hợp. Áp

dụng tin học trong quản lý bằng các phần mềm chuyên ngành về quản lý cầu, đường.

- Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược. Trong đó, đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động xây dựng và sửa chữa công trình giao thông. Tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Tiếp tục hỗ trợ để các gói thầu do Công ty thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

- Rà soát trình Hội đồng quản trị các giải pháp quản lý hiệu quả xe máy thiết bị. Đồng thời, xây dựng kế hoạch dự phòng rủi ro khi nhà nước thu hồi mặt bằng dặt cầu theo quy định mới.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Năm 2017 là năm thứ hai Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, công tác sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh đã từng bước đi vào ổn định. Hội đồng quản trị công ty đã triển khai chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, vẫn còn một số tồn tại chưa giải quyết dứt điểm trong năm như:

- Chưa có sự bàn giao chính thức giữa Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần Công trình Cầu Phà TP. Hồ Chí Minh về vốn, tài sản. Nguyên nhân Báo cáo tài chính giai đoạn chuyển chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở bàn giao.

- Việc đầu tư xây dựng Trụ sở Văn phòng làm việc của Công ty ở số 451/10 – Tô Hiến Thành, P.14, Quận 10 – TP. Hồ Chí Minh còn chậm so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do thay đổi quy mô dự án và chờ cấp có thẩm quyền duyệt và thẩm định lại dự án cũng như chờ cấp phép xây dựng.

Hoạt động duy tu, sửa chữa cầu và xây dựng công trình giao thông đã tạo nên môi trường giao thông sạch đẹp. Hoạt động sản xuất kinh doanh tạo nguồn đóng góp vào ngân sách nhà nước là nguồn tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường. Công

ty cũng góp phần vào việc giải quyết vấn đề an sinh xã hội : đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động, người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội , y tế, thất nghiệp ...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động chi đạo điều hành của Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc theo thẩm quyền được giao theo Điều lệ và quy chế làm việc của Hội đồng quản trị.

- Yêu cầu Tổng giám đốc tăng cường công tác chi đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về các lĩnh vực hoạt động của Công ty, đề HĐQT nghị quyết định hướng nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm 2017, theo Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành đã thực hiện sắp xếp các xí nghiệp trực thuộc theo hướng chuyên môn hóa từng lĩnh vực hoạt động, chấn chỉnh trong công tác quản lý khai thác xe máy thiết bị nhằm hạn chế rủi ro, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Kế hoạch của năm 2018 (triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Công ty con	Tổng cộng
1	Tổng doanh thu:	395.350	25.000	420.350
2	Tổng chi phí	380.488	22.651	403.139
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	14.862	2.349	17.211
4	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách	Theo quy định của pháp luật		
5	Lợi nhuận chia cổ tức	8.190		8.190
6	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	9%		9%

Tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp các xí nghiệp trực thuộc theo hướng chuyên môn hóa sao cho hiệu quả.

Tập trung tăng cường quản lý và xây dựng các quy chế phối hợp, quản lý phần vốn Công ty ở các công ty con thực sự đạt hiệu quả.

Xây dựng các giải pháp để thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch phát triển Công ty giai đoạn 2018 đến năm 2021: Trong đó xây dựng được về sản phẩm, lĩnh vực hoạt động thế mạnh của Công ty, nhu cầu về vốn, về số lượng

trang thiết bị của công ty cân trang bị, đầu tư trong từng năm; Giải pháp huy động vốn.

Tổ chức thực hiện hoàn thành Dự án xây dựng Trụ sở Công ty tại số 451/10, đường Tô Hiến Thành, P.14 - Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Phối hợp với Ban chấp hành Đảng bộ triển khai thực hiện công tác đào tạo về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, người lao động trong công ty nhằm nâng cao trình độ, năng lực cạnh tranh của Công ty.

Đảm bảo duy trì sự ổn định và phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn của doanh nghiệp.

3.2 Về xây dựng định hướng phát triển của Công ty:

Trong năm qua, HĐQT đã thành lập Tổ nghiên cứu xây dựng định hướng phát triển công ty cho giai đoạn 2019 – 2021.

Đến nay Tổ nghiên cứu đã trình và HĐQT đã thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh từng năm trong giai đoạn 2019 – 2021 và tiếp tục rà soát bổ sung các giải pháp để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính : www.caupha.com



**CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH & CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017
Đã được kiểm toán



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38.205.944 Fax: (028) 38.205.942 Website: www.aasc.com.vn Email: info@aasc.com.vn

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
- Bảng cân đối kế toán tổng hợp	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ phần Công Trình Cầu Phà Thành Phố (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Chín mươi mốt tỷ đồng.

Trụ sở chính : Số 132 Đào Duy Từ, Phường 06, Quận 10, Tp.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới đạ cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Mô hình hoạt động :

Công ty có 1 Công ty con và 9 Xí nghiệp trực thuộc, trong đó:

- Công ty con:

Đơn vị : Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

Địa chỉ : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

Tỷ lệ lợi ích : 65%

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 65%

- Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc cùng tọa lạc tại địa chỉ tại số 132 Đào Duy Từ, P.06, Quận 10, TP.HCM :

Các đơn vị trực thuộc	Hoạt động kinh doanh chính
- Văn phòng công ty	Quản lý chung
- Xí nghiệp Công trình giao thông 1	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 2	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 3	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 4	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 5	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 6	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 7	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 8	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình giao thông 9	Thi công công trình giao thông

II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

III CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Minh Thành	Chủ tịch	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Lê Hữu Châu	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Bà Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Trịnh Văn Khâm	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Vũ Bảo Văn	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 05 năm 2016
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 05 năm 2016
Ông Trần Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 05 năm 2016

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Mạnh Thư	Trưởng ban	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016
Ông Trần Thái Phương	Thành viên	Ngày 12 tháng 04 năm 2016

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.



VI CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà Thành Phố Hồ Chí Minh & Công ty con phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà Thành Phố Hồ Chí Minh & Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII CAM KẾT KHÁC

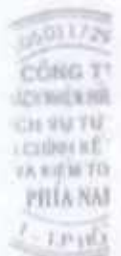
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Duyệt, ngày 16 tháng 03 năm 2018

[Signature]
Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



[Signature]
Lê Hữu Châu



Số: 293 /BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 16/03/2018 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Con bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, trình bày từ trang 7 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, tuy nhiên chúng tôi cần lưu ý người đọc về số liệu so sánh cho kỳ kế toán từ ngày 4/5/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán, đã nêu ý kiến ngoại trừ đối với công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận đầy đủ, và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chưa được kiểm kê tại thời điểm kết thúc niên độ. Các vấn đề nêu trong ý kiến kiểm toán ngoại trừ đã được khắc phục như sau:

+ Các thư xác nhận phải thu và phải trả tại ngày kết thúc niên độ 31/12/2017 đã được đối chiếu xác nhận hoặc thanh toán sau kỳ kết thúc niên độ để đảm bảo rằng các công nợ được ghi nhận là có thực và hạch toán đầy đủ. Các công nợ quá hạn đã được Công ty trích lập dự phòng theo quy định.

+ Năm 2017, Đơn vị đã hạch toán và theo dõi riêng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Do vậy, các chi phí phát sinh đối với phần công việc đã thực hiện nhưng chưa được Chủ đầu tư nghiệm thu chấp nhận thanh toán đã được ghi nhận trên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và đã được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

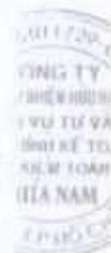
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 1091-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

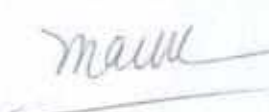
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (*)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.466.150.465	262.900.055.761
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.821.680.908	38.122.458.810
Tiền	111		45.821.680.908	38.122.458.810
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.792.620.383	210.043.169.518
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	143.609.789.515	162.265.451.386
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.719.206.556	5.711.743.520
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	6.682.788.526	42.065.974.612
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(2.219.164.214)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	57.169.871.439	11.105.583.937
Hàng tồn kho	141		57.169.871.439	11.105.583.937
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.681.977.735	3.628.843.496
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	958.844.083	431.935.211
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.897.074.243	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	2.826.059.409	3.196.908.285
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.597.932.090	60.922.119.868
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.650.236.791	45.381.582.517
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	37.582.486.795	45.271.832.521
- Nguyên giá	222		78.236.549.875	78.236.549.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.654.063.080)	(32.964.717.354)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	67.749.996	109.749.996
- Nguyên giá	228		213.100.000	213.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(145.350.004)	(103.350.004)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	522.251.093	522.251.093
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		522.251.093	522.251.093
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.425.444.206	15.018.286.258
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	13.450.543.116	15.018.286.258
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		54.368.906	-
Tài sản dài hạn khác	268		8.920.532.184	-
Lợi thuế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		327.064.082.555	323.822.175.629



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		226.237.226.157	224.925.687.761
I. Nợ ngắn hạn	310		226.237.226.157	224.925.687.761
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	88.271.136.767	23.403.852.076
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		48.769.024.090	47.746.269.733
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.073.087.052	13.614.319.375
Phải trả người lao động	314		5.947.407.486	8.375.878.908
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	59.458.899.067	87.736.603.038
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	19.980.880.799	44.502.156.764
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.263.209.104)	(453.392.133)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		100.826.856.398	98.896.487.868
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	101.326.043.372	100.239.285.078
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		59.467.052	59.467.052
Quỹ đầu tư phát triển	418		451.520.497	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.713.604.890	9.179.818.026
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		-	-
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.713.604.890	9.179.818.026
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.101.450.933	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.15	(499.186.974)	(1.342.797.210)
Nguồn kinh phí	431		(499.186.974)	(1.342.797.210)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	440		327.064.082.555	323.822.175.629

Ghi chú: (*) Xem thuyết minh VIII.9 "Thông tin so sánh"

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2018



Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

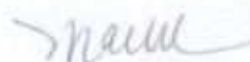
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016 (*)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	391.528.396.779	282.298.905.507
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		391.528.396.779	282.298.905.507
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	346.992.017.121	247.804.719.129
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.536.379.658	34.494.186.378
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	231.355.483	924.474.594
Chi phí tài chính	22		1.263.082.340	1.688.676.594
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.263.082.340	1.688.676.594
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		29.354.853.194	21.492.621.587
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.149.799.607	12.237.362.791
Thu nhập khác	31	VI.4	529.997.465	1.040.927.420
Chi phí khác	32	VI.5	480.503.496	1.790.817.934
Lợi nhuận khác	40		49.493.969	(749.890.514)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.199.293.576	11.487.472.277
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.898.606.659	2.299.790.667
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(54.368.906)	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		11.355.055.823	9.187.681.610
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		11.353.604.890	9.187.681.610
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		1.450.933	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.248	1.364
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Ghi chú: (*) Xem thuyết minh VIII.9 "Thông tin so sánh"

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương



Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		14.199.293.576	11.487.472.277
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		7.731.345.726	7.463.037.221
- Các khoản dự phòng	03		2.219.164.214	40.342.465
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(231.355.483)	(924.474.594)
- Chi phí lãi vay	06		1.263.082.340	1.688.676.594
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.181.530.373	19.755.053.963
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		46.005.159.554	(59.359.125.246)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(46.064.287.502)	(8.603.323.326)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		24.590.993.826	42.936.405.352
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.999.678.353	(11.878.849.073)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.263.082.340)	(1.688.676.594)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.504.636.364)	(2.029.596.700)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII.5	1.655.633.364	52.212.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	VII.5	(1.236.814.500)	(71.159.080.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.364.174.764	(39.814.692.044)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.920.532.184)	(100.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		231.355.483	924.474.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.689.176.701)	824.474.594
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		82.670.343.649	71.044.512.629
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(107.191.619.614)	(45.845.226.316)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.454.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.975.775.965)	25.199.286.313
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		7.699.222.098	(13.790.931.137)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.122.458.810	51.913.389.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		45.821.680.908	38.122.458.810

Người lập biểu

Maui

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

Phuong

Lê Nga Phương



Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Chau

Lê Hữu Châu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : Số 132 Đào Duy Từ, Phường 06, Quận 10, Tp.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thi công xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;

Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);

Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp : Bao gồm 1 Công ty con và 9 Xi nghiệp trực thuộc

a. Công ty con hợp nhất : 1 Công ty

Công ty con : Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Công trình Cầu Phà

Địa chỉ : Số 451/10 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. HCM

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết : 65 %

b. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Bao gồm Văn phòng và các Xi nghiệp trực thuộc cùng địa chỉ tại Số 132 Đào Duy Từ, P.6, Quận 10, TP.HCM:

Các đơn vị trực thuộc	Hoạt động kinh doanh chính
- Văn phòng Công ty	: Quản lý chung
- Xi nghiệp Công trình giao thông 1	: Thi công công trình giao thông
- Xi nghiệp Công trình giao thông 2	: Thi công công trình giao thông
- Xi nghiệp Công trình giao thông 3	: Thi công công trình giao thông
- Xi nghiệp Công trình giao thông 4	: Thi công công trình giao thông
- Xi nghiệp Công trình giao thông 5	: Thi công công trình giao thông
- Xi nghiệp Công trình giao thông 6	: Thi công công trình giao thông
- Xi nghiệp Công trình giao thông 7	: Thi công công trình giao thông
- Xi nghiệp Công trình giao thông 8	: Thi công công trình giao thông
- Xi nghiệp Công trình giao thông 9	: Thi công công trình giao thông

II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ Phần Công Trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bắt đầu từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 khi chính thức được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Kỳ kế toán các năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Cơ sở hợp nhất

a. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty con được thành lập theo quyết định số 45/QĐ-HĐQT ký ngày 23 tháng 11 năm 2016 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn phê duyệt. Việc thành lập công ty được thực hiện thông qua việc mua lại vốn của Công ty TNHH Xây dựng Phương Nam Việt, là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp từ năm 2011 đến thời điểm đầu tư. Do vậy, ngày Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ sẽ được hợp nhất kể từ ngày 23/11/2016.

b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

c. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

d. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất



Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

e. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

f. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phần bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: thực tế đích danh.

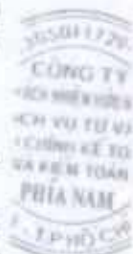
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình



Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

+ Phần mềm kế toán:

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện; khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

Công ty sau đây được xem là bên có liên quan

Công ty	Quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC)	Cổ đông lớn 40%

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

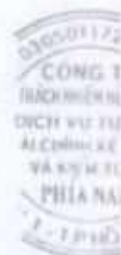
Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT:

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	5.188.481	14.947.864
Văn phòng Công ty	3.085.497	14.947.864
Các Xí nghiệp trực thuộc	1.828.987	
Công ty con	273.997	
- Tiền gửi ngân hàng	45.816.492.427	38.107.510.946
Văn phòng Công ty	39.739.330.985	38.107.510.946
Các Xí nghiệp trực thuộc	2.058.304.631	
Công ty con	4.018.856.811	
Cộng	45.821.680.908	38.122.458.810

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

2.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu quản ký Giao thông Đô thị Số 1	7.473.945.623	6.080.574.960
Khu quản ký Giao thông Đô thị Số 2	13.268.623.609	25.596.465.833
Khu quản ký Giao thông Đô thị Số 3	14.429.566.940	7.499.525.068
Khu quản ký Giao thông Đô thị Số 4	26.224.094.776	28.712.557.535
Khu quản lý đường thủy nội địa	6.885.341.527	8.048.564.578
BQL ĐTXD CT Huyện Nhà Bè	8.491.229.653	25.946.000
BQL CT CC Huyện Tam Nông	7.787.799.000	10.084.413.000
Công ty CP KCN Hiệp Phước	4.598.764.468	15.532.764.468
Trung tâm quản lý đường hầm Sông Sài Gòn	2.907.492.422	5.312.663.067
Công ty CP Bourbon Bến Lức	2.872.647.000	14.241.580.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	48.670.284.497	41.130.396.877
Cộng	143.609.789.515	162.265.451.386

2.2. Dài hạn

2.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
3.1. Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	494.798.418	-	416.998.418	-
- Phải thu của người lao động	244.994.918	-	187.283.950	-
+ Các khoản trích theo lương	124.247.865	-	187.283.950	-
+ Thuế TNCN	120.747.053	-	-	-
- Tạm ứng	2.508.603.072	-	26.091.388.629	-
+ Văn phòng	1.045.510.598	-	26.091.388.629	-
+ Xí nghiệp trực thuộc	1.463.092.474	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	7.367.881.978	-
+ Thực hiện công trình	-	-	7.117.881.978	-
+ Tiền đặt cọc thuê mặt bằng	-	-	250.000.000	-
- Các khoản chi hộ	-	-	90.940.224	-
+ Chi hộ đo vẽ đất Cty CTGT	-	-	90.940.224	-
- Phải thu khác - Văn phòng	3.509.855	-	7.911.481.413	-
+ Phải thu xí nghiệp giá trị các công trình đã quyết toán	-	-	4.877.553.966	-
+ Phải thu về cho thuê xe máy, chi phí thi công	3.509.855	-	3.033.927.447	-
- Phải thu khác - các xí nghiệp	3.428.837.686	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 2	857.889.138	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 3	437.195.557	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 4	316.361.038	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 5	64.053.179	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 6	511.638.816	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 7	196.304.482	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 8	860.750.624	-	-	-
+ Xí nghiệp công trình 9	184.644.852	-	-	-
- Phải thu khác - Công ty con	2.044.577	-	-	-
Cộng	6.682.788.526		42.065.974.612	



4 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.				
Cty CPĐT & XD Số 17 Thăng Long	1.499.218.214			
Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	337.118.000			
Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	382.828.000			
Cộng	2.219.164.214	-	-	-

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	20.764.100.300		1.649.170.771	
- Công cụ, dụng cụ	1.741.039.679		113.099.000	
- Chi phí SXKDD	34.664.731.460		9.343.314.166	
Cộng	57.169.871.439	-	11.105.583.937	-

6 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
6.1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		
6.2. Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản:	522.251.093	522.251.093
Công trình xây dựng trụ sở làm việc (*)		
+ Chi phí khảo sát địa chất công trình, tư vấn lập dự án và thiết kế cơ sở	522.251.093	522.251.093
Cộng	522.251.093	522.251.093

(*) Dự án đầu tư xây dựng Công trình trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh tại số 451/10 đường Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10 được phê duyệt theo Quyết định số 01/QĐ-SXD-TDDA ngày 15/01/2015 của Sở XD TP.HCM. Nguồn vốn đầu tư dự án từ tiền thu được do bán đấu giá nhà, đất tại số 132 Đào Duy Từ, Quận 10, Tp.HCM.

Ngày 13/8/2015 UBND TPHCM đã ban hành công văn số 4715/UBND-CNN về việc không cấp thêm vốn từ nguồn đấu giá mặt bằng số 132 Đào Duy Từ, Q.10, Tp. HCM để xây dựng trụ sở làm việc mới.

Ngày 01/07/2016, HĐ QT Công ty CP CT Cầu Phà TPHCM đã ra Nghị quyết số 451/NQ-HĐQT giao Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện thủ tục hủy dự án cũ, xin phép Sở Tài Chính TP.HCM về hướng xử lý chi phí đã phát sinh đồng thời thực hiện lập lại dự án mới.

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.115.852.662	5.142.295.063	60.208.986.878	769.415.272	78.236.549.875
- Mua trong năm					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	- 12.115.852.662	5.142.295.063	60.208.986.878	769.415.272	78.236.549.875
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.310.534.544	2.826.953.617	23.208.077.369	619.151.824	32.964.717.354
- Khấu hao trong năm	1.161.828.240	644.951.380	5.792.528.672	90.037.434	7.689.345.726
Số dư cuối năm	- 7.472.362.784	3.471.904.997	29.000.606.041	709.189.258	40.654.063.080
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	- 5.805.318.118	2.315.341.446	37.000.909.509	150.263.448	45.271.832.521
Tại ngày cuối năm	- 4.643.489.878	1.670.390.066	31.208.380.837	60.226.014	37.582.486.795



8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	-	-	213.100.000	213.100.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	213.100.000	213.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	103.350.004	103.350.004
- Khấu hao trong năm	-	-	-	42.000.000	42.000.000
- Tăng do phân loại	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	145.350.004	145.350.004
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	109.749.996	109.749.996
Tại ngày cuối năm	-	-	-	67.749.996	67.749.996



9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
9.1 Ngắn hạn		
Văn phòng	-	431.935.211
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	431.935.211
Xí nghiệp	958.844.083	-
+ Xí nghiệp công trình 5	49.125.414	
+ Xí nghiệp công trình 6	173.149.333	
+ Xí nghiệp công trình 7	14.868.953	
+ Xí nghiệp công trình 8	59.697.643	
+ Xí nghiệp công trình 9	662.002.740	
Cộng	958.844.083	431.935.211
9.2 Dài hạn		
Văn phòng	13.450.543.116	15.018.286.258
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (cử Lasen)	908.597.983	908.597.983
+ Lợi thế kinh doanh (*)	12.541.945.133	14.109.688.275
Xí nghiệp	13.450.543.116	15.018.286.258
Cộng	13.450.543.116	15.018.286.258

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10.1. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Văn phòng Công ty	20.094.498.517	20.094.498.517	23.403.852.076	23.403.852.076
Công ty Cổ Phần Công trình	8.483.215.572	8.483.215.572	5.229.248.271	5.229.248.271
Giao Thông Sài Gòn				
Công ty TNHH MTV XD TM	553.354.200	553.354.200	1.053.654.200	1.053.654.200
DV Hàng hải Hải Phúc				
Chi nhánh Công ty Sao Mai -	441.487.000	441.487.000	784.500.000	784.500.000
Công ty TNHH MTV đóng tàu 76				
Công ty CP ĐT và XD Công	2.418.959.000	2.418.959.000	4.084.395.000	4.084.395.000
trình 3				
Phải trả nhà cung cấp khác	8.197.482.745	8.197.482.745	12.252.054.605	12.252.054.605
b. Xí nghiệp	64.685.227.241	64.685.227.241		
Xí nghiệp công trình 1	3.649.666.312	3.649.666.312		-
Xí nghiệp công trình 2	2.260.783.505	2.260.783.505		-
Xí nghiệp công trình 3	3.153.487.368	3.153.487.368		-
Xí nghiệp công trình 4	26.219.844.769	26.219.844.769		-
Xí nghiệp công trình 5	3.084.888.831	3.084.888.831		-
Xí nghiệp công trình 6	8.278.105.703	8.278.105.703		-
Xí nghiệp công trình 7	439.649.028	439.649.028		-
Xí nghiệp công trình 8	11.386.360.361	11.386.360.361		-
Xí nghiệp công trình 9	6.212.441.364	6.212.441.364		-
c. Công ty con	3.491.411.009			
Cộng	88.271.136.767	84.779.725.758	23.403.852.076	23.403.852.076

II . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

II.1. Ngân hạn

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm (*)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty mẹ						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM (i)	19.480.880.799	19.480.880.799	82.170.343.649	107.191.619.614	44.502.156.764	44.502.156.764
Công ty con						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (ii)	500.000.000	500.000.000	500.000.000			
Cộng	19.980.880.799	19.980.880.799	82.670.343.649	107.191.619.614	44.502.156.764	44.502.156.764

Chi tiết các khoản vay (i) tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HĐ vay	Ngày HĐ vay	Mục đích	Thời hạn vay	Lãi suất (/năm)	Số dư nợ tại ngày 31/12/2017	Hình thức đảm bảo khoản vay
(i) 01/2017/94435/HĐTDHM	01/09/2017	Bổ sung vốn lưu động	Theo giải ngân	Theo giải ngân	19.480.880.799	Tin chấp
(ii) 03/TT-TTCVNH-SCB CNBT4.17	14/12/2017	Bổ sung vốn lưu động	Theo giải ngân	Theo giải ngân	500.000.000	TK ngân hàng
Cộng					19.980.880.799	

Số đầu năm Số cuối năm

II.2. Dài hạn

II.3. Các khoản nợ thuê tài chính

II.4. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

II.5. Các khoản vay và thuê tài chính đối với các bên liên quan



12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp/ số tăng	Số đã thực nộp/ Số giảm trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	(2.605.091)	6.645.370.375	5.490.308.810	7.067.278.182	-	5.071.006.094
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			28.302.201.118	22.405.126.875	5.897.074.243	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.016.389.318	-	2.898.606.659	2.504.636.364	2.622.455.404	36.381
Thuế thu nhập cá nhân	183.124.058	-	566.570.053	587.050.000	203.604.005	2.044.577
Tiền thuê đất	-	6.968.949.000	1.055.895.635	8.024.844.635	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	73.942.730	73.942.730	-	-
Cộng	3.196.908.285	13.614.319.375	38.387.525.005	40.662.878.786	8.723.133.652	5.073.087.052

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1. Ngắn hạn		
- BHXH, BHYT, BHTN	28.440.000	-
- Phải trả về cổ phần hóa	499.427.637	(1.156.205.860)
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	500.000.000	-
- Phải trả ngắn hạn khác	58.358.049.870	88.892.808.898
Văn phòng	4.481.505.405	88.892.808.898
+ Xây dựng trạm ép rác kin phường Thạnh Mỹ Lợi Q.2	6.503.254	6.503.254
+ Các công trình khác	2.135.564	36.231.626
+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.980.000	52.870.000
+ Phải trả thuế TNCN (thu dự)	-	244.702.194
+ Phải trả các xí nghiệp về chi phí nhân công & thuế (*)	-	88.552.501.824
+ Phải trả Phòng quản lý chất lượng	866.872.150	-
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.579.250.000	-
+ Sản xuất biển báo	23.764.437	-
Xí nghiệp	53.876.544.465	-
+ Xí nghiệp công trình 1	10.453.761.358	
+ Xí nghiệp công trình 2	9.567.296.394	
+ Xí nghiệp công trình 3	1.452.286.076	
+ Xí nghiệp công trình 4	9.197.016.286	
+ Xí nghiệp công trình 5	1.332.335.354	
+ Xí nghiệp công trình 6	8.842.463.006	
+ Xí nghiệp công trình 7	3.901.685.397	
+ Xí nghiệp công trình 8	2.996.967.680	
+ Xí nghiệp công trình 9	6.132.732.914	
Công ty con	72.981.560	-
+ Chi phí phải trả	72.981.560	
Cộng	<u>59.458.899.067</u>	<u>87.736.603.038</u>

13.2. Dài hạn

13.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

(*) Năm 2016, Công ty hạch toán khoản phải trả cho các Xí nghiệp về chi phí duy tu, sửa chữa, thi công công trình phần tương ứng phần chi phí tạm ứng thiếu theo giá trị nghiệm thu trên bản quyết toán đã được Công ty chấp nhận phù hợp với định mức chi phí tiêu hao áp dụng trong lĩnh vực xây lắp và Công ty thực hiện kê khai và khấu trừ hộ thuế GTGT đầu vào phát sinh tại các Xí nghiệp. Giá trị thuế GTGT đầu vào đủ điều kiện khấu trừ sẽ được thanh toán cho các Xí nghiệp sau khi có biên bản quyết toán của Cơ quan thuế.

Năm 2017, Đơn vị đã hạch toán theo dõi riêng 09 Xí nghiệp nên số dư cuối kỳ ngày 31/12/2016 đã được kết chuyển và theo dõi từng xí nghiệp theo tài khoản phải thu & phải trả nội bộ.

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu (1*)	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	44.713.000.000	26.230.028.067	18.536.994.208	-	-	839.124	89.480.861.399
- Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp		15.753.773.882					15.753.773.882
- Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp		(522.588.711)		9.475.036.920		13.060.911.128	22.013.359.337
- Tăng khác	51.333.332	59.467.052				(59.467.052)	51.333.332
- Nộp về HFIC			(16.881.360.711)			(3.822.465.174)	(20.703.825.885)
- Điều chỉnh khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần	46.235.666.668	(41.461.213.238)	(1.655.633.497)	(9.475.036.920)			(6.356.216.987)
Số dư đầu năm nay	91.000.000.000	59.467.052	-	-	-	9.179.818.026	100.239.285.078
- Lợi nhuận năm nay						1.450.933	11.353.604.889
- Tăng vốn trong năm do hợp nhất					2.100.000.000	-	2.100.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển (2*)			451.520.497			(451.520.497)	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi (2*)						(993.297.529)	(993.297.529)
- Chia cổ tức năm 2016 (2*)						(7.735.000.000)	(7.735.000.000)
- Chia cổ tức năm 2017 (3*)						(3.640.000.000)	(3.640.000.000)
Số dư cuối năm	91.000.000.000	59.467.052	451.520.497	-	2.101.450.933	7.713.604.889	101.326.043.372

(1*) Vốn khác của Chủ sở hữu là các khoản điều chỉnh tăng/giảm thuộc giai đoạn Nhà Nước sở hữu là 59.467.052 đồng đang chờ phê duyệt của Sở Tài Chính.

(2*) Phân phối cổ tức và trích lập quỹ năm 2016 theo Nghị quyết số 31/NQ-CTCP-HĐQT ngày 24/5/2017, TB số 37/TB-HĐQT ngày 24/05/2017.

(3*) Tạm chia cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết số 64/NQ-CTCP-HĐQT ngày 12/12/2017.



14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu"

	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị vốn
+ Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước - HFIC	40,00%	3.640.000	36.400.000.000
+ Tạ Thị Hồng Tâm	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Huỳnh Bà Lân	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Cổ đông khác	44,62%	4.060.000	40.600.000.000
Cộng	100%	9.100.000	91.000.000.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận"

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	91.000.000.000	91.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	91.000.000.000	91.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	3.640.000.000	7.735.000.000

c. Cổ phiếu"

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000

d. Cổ tức

	Năm 2017	Năm 2016
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	4,0%	8,5%

15 . NGUỒN KINH PHÍ

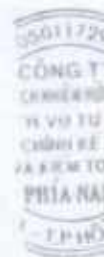
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(1.342.797.210)	4.164.223.784
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	843.610.236	17.710.570.332
- Chi sự nghiệp trong năm	-	(23.217.591.326)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm (*)	(499.186.974)	(1.342.797.210)

(*) Nguồn kinh phí sự nghiệp do Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các dự án liên quan đến sửa chữa, duy tu, mở rộng bến phà và các công trình được UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Công ty làm chủ đầu tư. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chỉ còn dự án nâng cấp bến phà Cát Lái tiếp tục thực hiện, các dự án còn lại đang tạm ngưng chờ quyết toán.

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

16.1. Tài sản nhận giữ hộ

16.2. Ngoại tệ các loại



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
- Doanh thu duy tu cầu	122.330.089.819	111.895.355.570
- Doanh thu xây dựng công trình, công tác kiểm định tư vấn giám sát	265.905.070.589	165.264.113.580
- Doanh thu công tác khai thác đạ cầu	1.854.545.460	4.091.781.812
- Doanh thu cho thuê xe máy	1.438.690.911	1.047.654.545
Cộng	391.528.396.779	282.298.905.507

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
- Giá vốn duy tu cầu	92.805.861.007	85.785.146.764
- Giá vốn xây dựng công trình, hoạt động kiểm định	253.240.511.881	157.379.294.676
- Giá vốn khai thác đạ cầu	869.883.816	3.790.657.190
- Giá vốn cho thuê xe máy	75.760.417	849.620.499
Cộng	346.992.017.121	247.804.719.129

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	231.355.483	924.474.594
Cộng	231.355.483	924.474.594

4. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
- Thu tiền bồi thường sửa chữa cầu đo va đập	511.799.104	843.380.703
- Thu nhập khác	18.198.361	18.178.827
- Hoa hồng nhận được từ hợp đồng bảo hiểm	-	13.183.945
- Thu nhập đo giám các khoản phải trả cho xí nghiệp khi có quyết toán chính thức	-	166.183.945
Cộng	529.997.465	1.040.927.420

5. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí sửa chữa cầu, đường đo va đập	404.100.766	649.655.555
- Xử lý chi phí công trình đạ cầu Tân Thới Hiệp	-	1.125.381.322
- Chi phí khác	76.402.730	15.781.057
Cộng	480.503.496	1.790.817.934

6. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	11.353.604.889	9.187.681.610
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	993.297.529
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.100.000	6.008.493
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.248	1.364

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Trong năm tài chính Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Doanh nghiệp không phát sinh việc trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

	Năm 2017	Năm 2016
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	82.670.343.649	71.044.512.629
4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	107.191.619.614	45.845.226.316

5. Thông tin khác

Khoản tiền thu và chi khác trong đó có phần tiền trả vốn chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và lợi nhuận chưa phân phối (giai đoạn Nhà Nước) cho chủ sở hữu được trình bày mục "Mã số 16" và "Mã số 17" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5.1 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

	Năm 2017	Năm 2016
- Thu tiền bán cổ phần nhà nước	-	52.212.500.000
- Nhận tiền hoàn trả quỹ đầu tư phát triển theo Biên bản kiểm tra	1.655.633.364	
Cộng	1.655.633.364	52.212.500.000

5.2 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh

	Năm 2017	Năm 2016
- Chi nộp tiền bán cổ phần cho Chủ Sở hữu		48.177.106.588
- Chi nộp Quỹ đầu tư phát triển trước thời điểm cổ phần hóa		12.000.000.000
- Chi quỹ khen thưởng phúc lợi	1.228.314.500	10.981.973.832
Cộng	1.228.314.500	71.159.080.420

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- Thông tin về các bên liên quan có phát sinh giao dịch chủ yếu trong năm

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)	Cổ đông lớn 40%

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)

	Năm 2017	Năm 2016
Chi nộp tiền bán cổ phần cho Chủ Sở hữu	-	48.177.106.588
Chi nộp Quỹ đầu tư phát triển trước thời điểm cổ phần hóa	-	12.000.000.000
Nhận lại tiền quỹ đầu tư phát triển theo Biên bản kiểm tra của HFIC ngày 4/8/2017	1.655.633.364	
Chi cổ tức năm 2016	3.094.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan phải trình bày.

- Quỹ lương thực hiện của Tổng giám đốc, thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	Năm 2017
Tiền lương của Tổng Giám đốc	333.800.000
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	943.782.404
Cộng	1.277.582.404

5. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chỉ có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Năm 2017	Năm 2016
- Doanh thu duy tu sửa chữa đường bộ	122.330.089.819	111.895.355.570
- Doanh thu thi công công trình	265.905.070.589	165.264.113.580
- Doanh thu công tác khai thác đạ cầu	1.854.545.460	4.091.781.812
- Doanh thu cho thuê xe máy	1.438.690.911	1.047.654.545
Cộng	391.528.396.779	282.298.905.507

6. Quản lý rủi ro của Công ty

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

6.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Độ nhạy về ngoại tệ



Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

6.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Khoản mục	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	88.271.136.767			88.271.136.767
Phải trả người lao động	5.947.407.486		-	5.947.407.486
Các khoản phải trả khác	59.458.899.067		-	59.458.899.067
Cộng	153.677.443.320	-	-	153.677.443.320
Số đầu năm				
Phải trả người bán	23.403.852.076	-	-	23.403.852.076
Phải trả người lao động	8.375.878.908	-	-	8.375.878.908
Các khoản phải trả khác	87.736.603.038	-	-	87.736.603.038
Cộng	119.516.334.022	-	-	119.516.334.022

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.821.680.908	38.122.458.810	45.821.680.908	38.122.458.810
Phải thu khách hàng	143.609.789.515	162.265.451.386	143.609.789.515	162.265.451.386
Trả trước cho người bán	5.719.206.556	5.711.743.520	5.719.206.556	5.711.743.520
Các khoản phải thu khác	6.682.788.526	42.065.974.612	6.682.788.526	42.065.974.612
Cộng	201.833.465.505	248.165.628.328	201.833.465.505	248.165.628.328
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	88.271.136.767	23.403.852.076	88.271.136.767	23.403.852.076
Người mua trả tiền trước	48.769.024.090	47.746.269.733	48.769.024.090	47.746.269.733
Phải trả người lao động	5.947.407.486	8.375.878.908	5.947.407.486	8.375.878.908
Các khoản phải trả khác	59.458.899.067	87.736.603.038	59.458.899.067	87.736.603.038
Cộng	202.446.467.410	167.262.603.755	202.446.467.410	167.262.603.755

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



8. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9. Số liệu so sánh

Năm tài chính 2017 Công ty CP CT Cầu Phà TP Hồ Chí Minh mới đầu tư thành lập Công ty con, do vậy số liệu so sánh được trình bày căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện. Và đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 03/05/2016 của Đơn vị Chủ quản là Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC) phê duyệt ngày 04/08/2017 và Nghị quyết số 330/NQ-HĐVT ngày 04/12/2017.

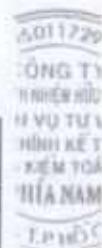
Số liệu so sánh trên Bảng kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu so sánh được trình bày cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016, bao gồm 2 giai đoạn: giai đoạn công ty TNHH một thành viên (từ ngày 01/01/2016 đến 03/05/2016) và giai đoạn Công ty cổ phần (từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016).

Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý người đọc về số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày chỉ mang tính chất tham khảo không sử dụng để so sánh tình hình tài chính của công ty do sự khác nhau về giai đoạn, chủ thể lập báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh thay đổi trên Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày lại như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

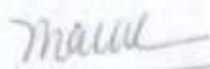
Khoản mục	Mã số	Tại ngày 31/12/2016		Chênh lệch
		Trình bày lại	Đã trình bày	
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn				
Phải thu ngắn hạn khác	136	42.065.974.612	38.179.471.489	3.886.503.123
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154	3.196.908.285	2.733.233.547	463.674.738
Cộng Tài sản		45.262.882.897	40.912.705.036	4.350.177.861
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	13.614.319.375	6.645.370.375	6.968.949.000
Phải trả người lao động	314	8.375.878.908	8.511.408.908	(135.530.000)
Phải trả ngắn hạn khác	319	87.736.603.038	90.236.090.597	(2.499.487.559)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(453.392.133)	(410.171.501)	(43.220.632)
B. Vốn chủ sở hữu				
Vốn khác của chủ sở hữu		59.467.052		59.467.052
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			-
Cộng Nguồn vốn		109.332.876.240	104.982.698.379	4.350.177.861



BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Khoản mục	Mã số	Năm 2016		Chênh lệch
		Số trình bày lại	Số đã trình bày	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	282.298.905.507	276.016.940.962	6.281.964.545
Giá vốn hàng bán	11	247.804.719.129	244.829.929.349	2.974.789.780
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.492.621.587	22.069.344.854	(576.723.267)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.299.790.667	2.297.824.771	1.965.896

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

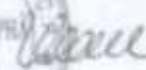


Lê Nga Phương



Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu



Ngày 16 tháng 4 năm 2018

or

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Châu

Lê Hữu Châu